GIÁ TRỊ NGƯỜI HAY SỰ THỐNG NHẤT GIỮA CHÂN, THIỆN VÀ MỸ TRONG TRIẾT HỌC I. KANT

*Lê Công Sự**

Lịch sử xã hội loài người đã trải qua những bước thăng trầm, làm cho đời sống con người và quan niệm của con người về đời sống mình luôn thay đổi. Song có một giá trị người dường như mang tính bất biến, vĩnh hằng, luôn hiện diện trong đời sống của mỗi người nói riêng, nhân loại nói chung, giá trị đó được kết tinh từ ba thành tố văn hoá cơ bản là *chân - thiện - mỹ*; chúng là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học khác nhau.

Khoa học nào cũng luôn đặt mục đích cho mình là truy tìm chân lý. Cuộc rượt đuổi chân lý của khoa học tự nhiên thực tế là diễn ra trên con đường vô tận. Lý do của điều này đã được nhà triết học cổ điển Đức I. Kant (1724 - 1804) lý giải trong quan niệm về chân lý của mình, khi ông đặt câu hỏi: *Tôi có thể biết được điều gì*? Câu hỏi đó được ông trả lời trong tác phẩm *Phê phán lý tính thuần tuý*.

Đạo đức học hướng tới việc lý giải điều thiện, cắt nghĩa mọi hành vi đạo đức của con người , truy tìm cội nguồn và bản chất của tự do đạo đức. Vấn đề tự do của con người trong lịch sử triết học cho đến thời Kant là một vấn đề sôi động. Đó là lý do để nhà triết học theo khuynh hướng chủ nghĩa nhân đạo viết tác phẩm *Phê phán lý tính thực tiễn*, nhằm mục đích trả lời câu hỏi: *Tôi cần phải làm gì?*

Lịch sử *mỹ học* trước Kant kể từ Platon, Aristote, cho đến Baumgerten và Burke tuy có nhiều cách lý giải khác nhau về cái đẹp, nhưng nhìn chung họ đều giống nhau ở chỗ, tách rời cái đẹp với chân lý và điều thiện. Là một người luôn suy tư, trăn trở với những vấn đề của thời đại, nhà triết học Đức truy tìm bản chất và ý nghĩa của cái đẹp nhằm trả lời câu hỏi: *Tôi có thể hy vọng vào cái gì*? đó cũng là lý do để ông viết tác phẩm *Phê phán khả năng phán đoán,* mà theo ông có nhiệm vụ gắn liền những vấn đề lý luận với vấn đề thực tiễn để tạo thành một chỉnh thể hoàn chỉnh, tạo tiền đề cho việc trả lời câu hỏi thứ tư : *Con người là gì?*

Ý tưởng sáng tạo hệ thống triết học phê phán của Kant hoàn toàn rõ, ông muốn thông qua triết học của mình để lý giải ba vấn đề trăn trở của thời đại, phản ánh ba khía cạnh cơ bản trong mối quan hệ giữa con người với Giới tự nhiên(chân lý), con người với con người (điều thiện), con người với thế giới xung quanh và với chính bản thân mình (cái đẹp, cái cao thượng).Vậy vấn đề thống nhất giữa chân - thiện - mỹ được giải quyết như thế nào trong triết học Kant?

Theo quan điểm của Kant, sai lầm của các nhà siêu hình học cũ kể từ Aristote đến Bacon, Descartes, Spinoza... là ở chỗ, khi nhận thức thế giới, họ hoặc rơi vào *Chủ nghĩa kinh nghiệm* (Empiricism), tuyệt đối hoá vai trò của cảm giác, của kinh nghiệm trong quá trình nhận thức; hoặc rơi vào *Chủ nghĩa duy lý* (rationalism), đề cao vai trò của lý tính, của tư duy trong quá trình nhận thức. Theo Kant, nếu dừng lại ở chủ nghĩa kinh nghiệm, chúng ta chỉ đạt được tri thức mang tính đơn lẻ.

* Thạc sỹ, Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội.

Nếu dừng lại ở chủ nghĩa duy lý, chúng ta sẽ rơi vào tình trạng phủ nhận sự tồn tại khách quan của đối tượng nhận thức, của thế giới nói chung.

Để khắc phục hạn chế của cả hai khuynh hướng triết học kể trên về vấn đề nhận thức, Kant đưa ra một phương án dung hoà: "Tồn tại hai nhánh cây nhận thức của nhân loại cùng phát triển, có chung cùng một gốc, nhưng chúng ta không biết cái gốc ấy, đó là cảm tính và giác tính. Nhờ cảm tính mà đối tượng được đem lại cho ta, nhờ giác tính mà ta tư duy được về đối tượng"[1]. Trên cơ sở đặt vấn đề như vậy, Kant tiến hành khảo sát bản chất quá trình nhận thức của con người. Theo ông quá trình đó diễn ra qua ba giai đoạn: cảm tính, giác tính và lý tính.

Ở giai đoạn *nhận thức cảm tính*, các sự vật, hiện tượng của thế giới bên ngoài tác động lên các giác quan cảm tính của chúng ta với các ấn tượng, trạng thái đa dạng – hỗn độn. Nhờ năng lực tiên thiên (transcendental) về không gian mà các đối tượng đó được quy về các hình hài có tính xác định. Nhờ năng lực tiên thiên về thời gian mà các đối tượng đó được sắp xếp theo một trật tự liên tục trước sau (kế tiếp nhau). Do vậy, chúng ta mới cảm nhận được các sự vật, các hiện tượng diễn ra trong thế giới xung quanh. Nhưng bản chất của nhận thức là đem đến những tri thức có giá trị phổ quát và tất yếu. Để làm được điều đó, cần có tư duy dựa trên các khái niệm giác tính thuần tuý hay các phạm trù – nhận thức cần phải chuyển lên cấp độ cao hơn: *cấp độ giác tính*.

Nhờ năng lực tổng hợp, giác tính thuần tuý đã sáng tạo nên một hệ thống phạm trù gồm bốn nhóm (class) như sau: 1) Số lượng (nhất thể, đa thể, toàn thể). 2) Chất lượng (hiện thực, phủ định, hạn định). 3) Quan hệ (bản thể và tồn tại độc lập, nguyên nhân và kết quả, tương tác qua lại). 4) Tình thái (khả năng và không khả năng, tồn tại và không tồn tại, tất yếu và ngẫu nhiên) [2].

Các phạm trù kể trên đóng vai trò như là hình thức để con người có thể tư duy, là điều kiện để con người có kinh nghiệm. Có nghĩa là, trước khi nhận thức về bất cứ một đối tượng nào đó, giác tính con người cần có khả năng tư duy bằng các phạm trù. Ví dụ: Để nhận thức về mối quan hệ giữa các hiện tượng xảy ra một cách liên tục trong thời gian, trước hết chủ thể cần có phạm trù nhân quả. Nhờ phạm trù nhân quả mà lý tính con người có thể liên kết các hiện tượng diễn ra trước (nguyên nhân) với các hiện tượng diễn ra sau (kết quả). Kant cho rằng, các phạm trù chỉ giúp chúng ta nhận thức các đối tượng khả nghiệm (thuộc thế giới hiện tượng), chứ không có khả năng giúp chúng ta nhận thức các đối tượng siêu nghiệm (thuộc thế giới vật tự nó).

Theo quan điểm của Kant, nhận thức con người bị giới hạn bởi cảm tính của nó, những gì cảm tính không đem lại hoặc không đạt đến thì con người chỉ có thể quan niệm được mà thôi chứ không thể nhận thức được, bản thân chúng thuộc một thế giới khác – thế giới vật tự nó. Muốn xâm nhập và nhận thức thế giới này thì nhận thức con người cần phải chuyển lên cấp độ cao hơn – cấp độ lý tính.

Ở giai đoạn *nhận thức lý tính*, tư duy con người bắt gặp ba ý niệm (idea) cơ bản đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống thường nhật của con

[1] I. Kant: Các tác phẩm. Matxcova,1964. T3.tr.123

[2] I. Kant. *Sđd*. tr.175.

người: 1) Linh hồn (đối tượng nghiên cứu chủ yếu của tâm lý học duy lý); 2) Vũ trụ (đối tượng nghiên cứu chủ yếu của tâm lý học duy lý); 3) Thượng đế (đối tượng nghiên cứu chủ yếu của thần học tiên nghiệm). Khi lý tính muốn đi sâu tìm hiểu bản chất của ba đối tượng truyền thống này thì nó vấp phải những antinomy (luật tương phản) mà vế chính đề (thesis) được khái quát lên từ các quan điểm duy tâm – thần học, còn vế phản đề (antithesis) được khái quát lên từ các quan điểm duy vật – vô thần. Ví dụ: Thế giới hữu hạn – thế giới vô hạn, thế giới có tự do – thế giới tuân theo quy luật tất yếu, v.v.[3]. Cả hai vế của antinomy tuy có nội dung đối lập nhau nhưng lại có căn cứ giống nhau, chúng có thể cùng đúng hoặc cùng sai, chứ không phải hoàn toàn phủ định nhau như trong lôgic lưỡng trị.

Theo lý giải của Kant, các antinomy của lý tính không phải là những lỗi lôgic thông thường để con người có thể khắc phục được. Chúng là những mâu thuẫn phản ánh bản chất lý tính khi con người muốn vươn lên nhận thức những đối tượng tối cao tuyệt đối như đã nói. Cơ sở lý luận để giải quyết mâu thuẫn đó không phải là chủ nghĩa duy vật hay chủ nghĩa duy tâm, cũng không phải là chủ nghĩa kinh nghiệm hay chủ nghĩa duy lý, mà là chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm (transcendental idealism) dựa trên phương pháp luận bất khả tri với quan điểm nhìn nhận thế giới như một thực thể lưỡng phân: 1) Thế giới hiện tượng (phenomen) là thế giới của các sự vật, hiện tượng khả nghiệm, khả giác. 2) Thế giới vật tự nó (noumen), là thế giới của các sự vật, hiện tượng khả niệm, bất khả giác.

Như vậy, *linh hồn, vũ trụ, thượng đế* – ba đối tượng truyền thống của siêu hình học cũ vẫn như những barrier chắn trên con đường nhận thức của nhân loại, mà lý tính – cấp độ cao nhất của nhận thức con người đã nhiều lần thử vượt nhưng đều bị chặn lại. Điều đó chứng tỏ rằng, nhận thức của con người có giới hạn, con người chỉ nhận thức được những gì nằm trong khuôn khổ của thế giới hiện tượng, vượt ra ngoài giới hạn đó là vương quốc của thế giới vật tự nó, đến đây tri thức con người đành bất lực - đó là lời giải đáp cuối cùng cho câu hỏi: "Tôi có thể nhận biết được cái gì?". Và cũng chính ở đây thể hiện rõ nét nhất quan điểm của nhà triết học Đức về sự thoả hiệp giữa tri thức (khoa học) và niềm tin (tôn giáo) theo phương châm như đã xác định từ trước: "Tôi buộc phải hạn chế tri thức để nhường chỗ cho niềm tin"[4].

Để lý giải được ba ý niệm kể trên, nhận thức phải nhường chỗ cho lĩnh vực hoạt động đạo đức - đối tượng nghiên cứu của *Phê phán lý tính thực tiễn* .

Khi xây dựng môn đạo đức học của mình, trước hết nhà biện chứng khôn khéo của lý tính xác định lập trường tư tưởng hay là quan điểm xuất phát. Muốn làm được điều đó, phải nghiên cứu lịch sử phát triển của đạo đức học.Theo kant, các nhà tư tưởng trước ông khi đề cập đến vấn đề đạo đức thường rơi vào *Chủ nghĩa duy hạnh* (Eudaimonism), cho rằng hạnh phúc là nền tảng của đạo đức, theo đó thì hạnh phúc với tư cách là đối tượng của của khát vọng, có nội dung phi đạo đức; còn đạo đức đã đánh mất giá trị tự thân, biến thành phương tiện để con người có thể đạt những mục đích khác. Trên cơ sở phân tích lịch sử của Eudaimonism, Kant đưa ra một bảng tổng kết- so sánh sau:

[3] I. Kant. *Sđd*. tr. 404-425

[4] I. Kant. *Sđd*.tr.95

(khuynh hướng) ***chủ quan***			
(Nguyên nhân) ***bên ngoài***		(Nguyên nhân) ***bên trong***	
(Làm do ảnh hưởng của) **Giáo dục.** (Theo Montaigne)	(Làm vì chịu áp lực của) **Thiết chế công dân.** (Theo Mandeville)	(Làm theo thôi thúc của) **Xúc cảm tâm - sinh.** (Theo Epicure)	(Làm theo tiếng gọi của) **Tình cảm đạo đức.** (Theo Hatchenson)
(Khuynh hướng) ***khách quan***			
(Nguyên nhân) ***bên trong***		(Nguyên nhân) ***bên ngoài***	
(Làm mong hướng tới) (Theo Wolf và các	**Sự hoàn thiện - hoàn mỹ.** nhà khắc kỷ)	(Làm vì sự thưởng - phạt (Theo Crucius và các nhà	của) **ý Chúa** đạo đức hữu thần khác)

Xem: Sđd.T4, I, tr. 359. (Những từ trong ngoặc do chúng tôi thêm vào cho dễ theo dõi)

Trên tinh thần phê phán của lý tính, Kant cho rằng, những tư tưởng đạo đức nêu trên đều thiên về *tính vật chất* của đối tượng hành động, nghĩa là hành động của con người bị quy định bởi một khách thể vật chất nào đó mà con người hướng tới - những hành động như vậy luôn mang tính vụ lợi, sự tính toán thiệt hơn mang tính cá nhân, chứ không phải mang tính bắt buộc chung. Hơn thế, theo Kant, bản thân khái niệm hạnh phúc cũng rất khó có thể xác định nội hàm, vì quan niệm về hạnh phúc là hoàn toàn mang tính chủ quan." Hạnh phúc của mỗi người - Kant viết- tuỳ thuộc vào trạng thái tình cảm thoã mãn hay không thoã mãn của người đó, và thậm chí trong cùng một chủ thể, hạnh phúc nhiều lúc phụ thuộc vào nhu cầu, mà nhu cầu thì luôn thay đổi nhằm phù hợp với trạng thái tình cảm đó "[5].

Theo Kant, những động lực đạo đức cần phải thoát ly khỏi mọi cơ sở vật chất, bởi vì trong các động lực đó, ý chí cần tự thiết lập cho mình một quy luật bắt buộc. Quy luật như vậy ông gọi là *mệnh lệnh tuyệt đối* (categorical imperative). Ông gọi là mệnh lệnh tuyệt đối để phân biệt với *mệnh lệnh giả thiết* (hypothetical imperative) - là mệnh lệnh được thực hiện vì một mục đích, một quyền lợi có tính nhân quả nào đấy mà trong cách nói hàng ngày thường được phát biểu dưới dạng: "Nếu...thì..."; "muốn...thì..."* Nói tóm lại, mệnh lệnh giả thiết là mệnh lệnh khuyến khích hoặc ngăn chặn các hành vi đạo đức của con người một cách có điều kiện. Còn mệnh lệnh tuyệt đối là mệnh lệnh xuất phát từ tiếng gọi của lương tri con người, nó tiềm ẩn trong trái tim, khối óc, mang tính phổ quát - tất yếu và thường được phát biểu dưới dạng:" Hãy làm như..." mà không kèm theo một điều kiện nào cả. Nói cách khác, mệnh lệnh tuyệt đối thể hiện khả năng tự chủ của con người, khả năng tự do ý chí mà không vụ lợi, không tính toán thiệt hơn.

Học thuyết của Kant về mệnh lệnh tuyệt đối phản ánh nội dung cơ bản đạo đức học của ông, được trình bày trong các

[5]. I. Kant. *Sđd.*T4, I, tr.340

* Về vấn đề này, trong cuốn *Thập đại tùng thư* (Nxb. Văn hoá thông tin, 2003), các tác giả Vương Đức Phong và Ngô Hiếu Minh đã dẫn ra một số ví dụ khá lý thú: " Nếu muốn người ta không biết thì trừ khi mình đừng làm"; "Nếu bạn không muốn mang tiếng ác trong đời thì bạn đừng làm chuyện xấu", tr. 202.

tác phẩm cơ bản: *Cơ sở siêu hình học của đức hạnh* (1785); *Tôn giáo chỉ trong giới hạn của lý tính* (1793); *Phê phán lý tính thực tiễn* (1797). Với tư cách là một nguyên tắc cơ bản chi phối mọi hành vi đạo đức, mệnh lệnh tuyệt đối gồm *ba định thức* (formula), tương ứng với ba khả năng vô điều kiện về phương châm xử thế của con người :

1) Mệnh lệnh tuyệt đối là nguyên lý phổ quát quy định mọi hành vi của con người. Nó đòi hỏi mỗi người " hãy hành động theo phương châm (maxime) như thế nào đó" để một mặt, những hành vi của mình có thể trở thành nguyên lý có tính pháp chế phổ quát; mặt khác, nhằm ngăn chặn những hành vi trái đạo lý của người khác trong chừng mực cho phép [6].

2) Mệnh lệnh tuyệt đối yêu cầu mỗi người " hãy hành động như thế nào đó để khi nhân danh cá nhân và nhân danh người khác, con người luôn được coi là mục đích chứ không phải là phương tiện", có nghĩa là mọi hành vi đạo đức của con người luôn phải hướng tới những giá trị tích cực nhằm làm cho đời sống con người tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn, chứ không phải lấy tha nhân làm phương tiện để mình đạt mục đích riêng, bởi con người là tồn tại cao nhất trong những tồn tại hiện có[7].

3) Mệnh lệnh tuyệt đối đòi hỏi mỗi người "hãy hành động theo ý chí tự do của riêng mình, nhưng ý chí đó không vượt ra ngoài khuôn khổ của pháp chế phổ quát". Điều này có nghĩa là, mỗi người khi đề cao quyền tự chủ của mình thì đồng thời cũng phải tôn trọng quyền tự do ý chí của người khác, chống mọi sự giả dối và tính ích kỷ[8]..

Nội dung của mệnh lệnh tuyệt đối được Kant trình bày thông qua một hệ thống các phạm trù như: *tự do, ý chí, nghĩa vụ, lương tâm, thiện chí, tự chủ, đạo lý, nhân phẩm, hạnh phúc, bổn phận hay trách nhiệm, v.v.* trong đó, tự do là phạm trù chiếm vị trí trung tâm. Theo Kant, tự do được hiểu theo những phương diện sau:

- Tự do chính là hoạt động đạo đức của con người. Con người tự hiểu nó cần phải làm gì và làm như thế nào. Do vậy, nó là một thực thể tự do một cách nội tại, tức là *tự do về phương diện đạo đức*. Kant viết: " ý chí tự do và ý chí tuân theo các quy luật đạo đức là như nhau"[9]

- *Xét về phương diện chính trị*, tự do là hành vi hợp pháp, mỗi người có quyền tự do hành động, nếu hành động đó không xâm phạm đến tự do người khác. Nói theo ngôn ngữ của pháp lý thì tự do là tự do hành động của mỗi người trong khuôn khổ của pháp luật. "Mỗi người đều có quyền tìm kiếm cho mình hạnh phúc trên con đường mà bản thân họ cảm thấy tốt đẹp - Kant viết - nếu như họ không xâm phạm đến quyền tự do của người khác hướng tới cùng một mục đích là tự do"[10]

- *Xét về phương diện lý luận*, tự do được hiểu như là quyền tự do phán xét "tự do sử dụng lý tính của mình trong mọi trường hợp"[11], trong sáng tạo khoa học cũng như trong ngôn luận và báo chí. Trong đó, tự do báo chí là nền tảng cho các quyền tự do của công dân.Tự do báo chí là thứ "tự do trong khuôn khổ của sự kính trọng sâu sắc và tình yêu đối với chế độ nhà nước của mình, tự do được bảo hộ bằng phương thức tự do tư tưởng của những thần dân mà nhà nước gợi ý cho"[12]. Nói cách khác, tự do như là khả năng tiên

(6).I. Kant. *Sđd*. T4,I,tr. 260 - 261.
(7) I. Kant. *Sđd*, T4,I, tr. 270.
(8) I. Kant. *Sđd* , T4, I,tr. 273.

9). I. Kant. *Sđd*. T4, I, tr. 249.
10. I. Kant. *Sđd*. tr.414.
11 . I. Kant. *Sđd*. tr. 79.
12 I. Kant. *Sđd*. T4, II, tr95.

nghiệm cho phép lý tính con người hoạt động độc lập đối với các quy luật tất yếu trong thế giới hiện tượng, bởi con người là một thực thể có lý tính, mà bản chất của lý tính là hướng tới tự do.

- *Xét về phương diện thực tiễn,* thể xác con người sống trong thế giới hiện tượng, nó luôn bị chi phối bởi các quy luật tất yếu (của đạo đức, pháp luật, tôn giáo, chính trị...) nên con người chỉ có tự do theo nghĩa tương đối."Tự do xét theo nghĩa thực tiễn- Kant viết- chính là sự độc lập của ý chí thoát khỏi mọi sự chế ước của những xung động tình cảm"[13]. Nhưng tinh thần và lý tính con người luôn hướng tới tự do theo nghĩa tuyệt đối.

- Để đạt được tự do theo nghĩa tuyệt đối, Kant đề xuất ba *định đề* (postulat) đóng vai trò như là giả thiết tất yếu cho mọi hành vi đạo đức của con người, đó là: 1) Có tự do tuyệt đối ở thế giới bên kia với tư cách là cơ sở cho mọi hoạt động của con người ; 2) Có một linh hồn bất tử ở thế giới bên kia phán quyết những hành vi đạo đức của con người ; 3) Có Thượng đế ở thế giới bên kia với tư cách là nguyên nhân tối thượng đảm bảo cho việc xử lý công minh mọi hành vi đạo đức của con người .

Theo Kant, sự tồn tại của Thượng đế với tư cách là lý tưởng, một giả thiết tất yếu làm điều kiện cho hạnh phúc của con người, đảm bảo cho mọi hành động của con người diễn ra trong khuôn khổ của điều thiện. Thượng đế là một lý tưởng toàn thiện, toàn mỹ, một quan toà phân xử và thẩm định mọi hành động của con người trong thế giới họ sống. Đây là nội dung chính của một dạng thần học mà mấy lâu nay người ta ít để ý - *Thần học đạo đức (Moral theology)* - đó là tự do xét theo nghĩa tôn giáo.

Tóm lại, câu hỏi *Tôi cần phải làm gì?* được Kant giải đáp: *Tôi cần phải phục tùng các quy luật tất yếu của thế giới hiện tượng (xã hội công dân), nhưng cũng có quyền hy vọng vào tự do, dù đó là tự do tinh thần của thế giới bên kia* (thế giới vật tự nó)."Trong mọi xã hội - Kant viết - các công dân đều cần phải phục tùng thể chế nhà nước theo các quy luật có tính cưỡng chế, nhưng đồng thời cũng cần có tinh thần tự do"[14].

Tinh thần tự do đó chính là tự do trong *khả năng phán đoán thẩm mỹ*, nghĩa là tự do xác định, cảm nhận cái đẹp, tự do sáng tạo nghệ thuật, tự do tưởng tượng và tự do tín ngưỡng. Vấn đề này được Kant trình bày trong quan điểm mỹ học và quan điểm tôn giáo của ông ở các tác phẩm : *Phê phán năng lực phán đoán; Tôn giáo chỉ trong giới hạn của lý tính, v.v..*

Mỹ học Kant chịu ảnh hưởng của hai dòng mỹ học trước ông - đó là mỹ học duy lý (rational esthetics) của Baumgerten, Sulzer và mỹ học duy cảm (sensational esthetics) của Burke. Cả hai khuynh hướng mỹ học này đã có những đóng góp đáng kể cho mỹ học khai sáng thế kỷ XVIII. Song chúng làm cho mỹ học đương thời có nguy cơ phân cực ngày càng cao.

Trong bối cảnh lịch sử đó, mỹ học Kant xuất hiện với những nhiệm vụ: 1) Dung hoà giữa mỹ học duy lý của Baumgerten và mỹ học duy cảm của Burke; 2) Hoàn thiện triết học phê phán hay là sự phê phán siêu hình học cũ về phương diện mỹ học; 3) Bắc một chiếc cầu nối giữa hoạt đông lý luận (triết học lý luận) với hoạt động thực tiễn (triết học thực tiễn) của con người, trên cơ sở đó, khẳng định những giá trị tinh thần của đời sống con

[13] . I. Kant. *Sđd*. T3, tr.478.

[14]I. Kant. *Sđd*, t4,II,tr.97

người cũng như năng lực sáng tạo nghệ thuật của nó.

Kant bắt đầu tác phẩm *Phê phán khả năng phán đoán* bằng phần phê phán khả năng phán đoán thẩm mỹ. Trong đó, ông dựa trên các phán đoán của logic hình thức để phân tích các phán đoán thẩm mỹ (phán đoán về cái đẹp).

Theo Kant, cũng giống như siêu hình học, mỹ học trước ông khi quan niệm về cái đẹp không thoát khỏi những atinomy, cụ thể là:

CHÍNH ĐỀ	PHẢN ĐỀ
Cái đẹp mang tính phổ quát và tất yếu	Cái đẹp mang tính chủ quan, cá thể

Để giải quyết antinomy trên, Kant đề xuất một phương án có tính dung hoà. Theo ông, cái đẹp là một phạm trù không xác định, vừa mang tính phổ quát tất yếu lại vừa mang tính chủ quan, cá thể. Với cách đặt vấn đề như vậy, Kant xem xét phán đoán thẩm mỹ trên bốn phương diện (tương ứng với bốn nhóm phạm trù của giác tính).

Về phương diện chất lượng, Phán đoán thẩm mỹ đưa đến cho con người sự thích thú, cái đẹp và điều thiện, sự thích thú đó có tính chất vô tư , không vụ lợi.

Về phương diện số lượng, phán đoán thẩm mỹ đưa lại cho con người giá trị về cái đẹp, nhưng giá trị đó không phải là kết quả nhận thức của một cá nhân mà là của cả loài người, nghĩa là cái đẹp có giá trị phổ quát. Tính phổ quát này không dựa trên đối tượng mà chỉ dựa trên quan điểm chủ quan.

Về phương diện quan hệ, phán đoán thẩm mỹ là sự liên kết giữa phán đoán logic và phán đoán đạo đức. Ở đây, Kant tập trung phân tích bản chất và giá trị của cái đẹp. Ông phân cái đẹp thành hai dạng: 1) Cái đẹp tự do, là cái đẹp đưa lại sự thích thú cho con người mà không phản ánh bất kỳ một khái niệm hay đối tượng nào cả như cỏ cây, hoa lá hay những hoạ tiết, hoa văn. 2) Cái đẹp nương tựa, là cái đẹp phụ thuộc khái niệm như vẻ đẹp của nhà thờ, cung điện.

Về phương diện tình thái, Kant cho rằng, phán đoán thẩm mỹ thuộc lĩnh vực tình cảm, nó xuất phát từ xúc cảm chung của mọi người, bởi vậy, nó tất yếu gây nên sự thích thú mà không cần đối tượng hiện thực hay khái niệm[15] .

Trên cơ sở phép phân tích phán đoán thẩm mỹ mà trọng tâm là cái đẹp, Kant đi tới phép phân tích *cái cao cả (Sublime)*. Ông cho rằng, mọi cái cao cả đều là cái đẹp, nhưng không phải cái đẹp nào cũng là cái cao cả, bởi giữa chúng có những sự khác biệt, đó là: 1) Nếu cái đẹp được đặc trưng ở phương diện chất lượng thì cái cao cả đặc trưng ở phương diện số lượng; 2) Nếu cái đẹp thể hiện ở dáng vẻ bên ngoài của các đối tượng tự nhiên, nó mang lại khoái cảm hình thức thì cái cao cả là cái thể hiện trong tinh thần con người, nó mang lại khoái cảm sâu lắng, đưa đến cho con người sự rung động và lòng khâm phục. Kant viết: "Chúng ta cần tìm cơ sở của cái đẹp trong tự nhiên ở bên ngoài chúng ta, còn đối với cái cao cả thì cần tìm ngay chính trong hình tượng tư tưởng, hình tượng đó chứa đựng cái cao cả của tự nhiên"[16]; 3) Chỉ có cái đẹp nương tựa, cái đẹp gắn liền với các quan niệm đạo đức mới có thể trở thành cái cao cả. Còn cái đẹp tự do không thể trở thành cái cao cả."Sự chiêm ngưỡng những hiện tượng hùng vĩ của thiên nhiên như là cái vô cùng, vô tận vượt quá sức lực con người, nhưng nó không thể là cái gì gây

[15] Xem: I. Kant. *Sđd*, T5, tr.241
[16] Xem: I. Kant. *Sđd*, T5, tr. 253.

khiếp sợ, làm con người chỉ thấy sự hùng vĩ của thiên nhiên, mà thấy rằng sức mạnh trong bản thân con người là cái làm nảy sinh tình cảm cao cả. Cho nên phải thừa nhận cái cao cả không phải là cái chứa đựng một cái gì đó của riêng thiên nhiên, mà chỉ trong tâm hồn con người, bởi con người có thể ý thức được ưu thế của nó trước thiên nhiên" [17].

Phép phân tích cái đẹp và cái cao cả như đã trên là bước chuẩn bị để Kant xây dựng lý luận về hoạt động nghệ thuật. Ông cho rằng, hoạt động nghệ thuật là hoạt động dựa trên nền tảng của cái đẹp và hướng tới việc sáng tạo nên cái đẹp. Nghệ thuật chân chính là là sản phẩm hoạt động tự do của thiên tài. Nó có khả năng lấp đầy hố ngăn cách giữa lý tính lý luận và lý tính thực tiễn, giữa tự nhiên và nghĩa vụ đạo đức của con người, đồng thời nó tạo ra khả năng giúp con người bước từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do.

Những phân tích trên của chúng tôi về quan điểm mỹ học của Kant tuy chỉ mới dừng lại ở những nét sơ lược nhưng qua đó phần nào chúng ta cũng có thể tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi mà ông đã nêu. Câu trả lời đó là: Tôi có thể hy vọng vào chính bản thân con người với sức mạnh lý tính và trí tưởng tượng phong phú của nó. Bởi lý tính là phần nổi trội của con người , giúp nó vượt lên trên các loài động vật khôn ngoan khác và khẳng định vị thế của mình trong vũ trụ. Còn trí tưởng tượng đã tiếp sức cho con người sáng tạo nên các hình tượng nghệ thuật mà điển hình là các hình tượng trong huyền thoại. Với tính cách là sản phẩm tuyệt vời của trí tưởng tượng, huyền thoại chắp cánh cho ước mơ của con người , tiếp thêm cho con người sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống lại cái ác, bảo vệ điều thiện vì hạnh phúc chân chính của con người. Hình tượng trung tâm của huyền thoại, theo Kant, chính là Thượng đế. Thượng đế vừa là xuất phát điểm vừa là mục đích của niềm tin tôn giáo, mà niềm tin tôn giáo xét trên bình diện cuộc sống cũng chính là niềm hy vọng.

Lôgic của vấn đề đã rõ, nhà biện chứng của lý tính đã chuyển một cách khôn khéo hình ảnh con người vào hình ảnh Thượng đế, niềm tin tôn giáo thành niềm hy vọng của cuộc sống. Qua đó ông muốn nhắn nhủ với tất cả mọi người: 1) Con người có quyền hy vọng rằng đến một ngày nào đó cái thiện sẽ chiến thắng cái ác, xã hội lý tưởng công dân toàn cầu sẽ thay thế xã hội công dân đương thời vốn đang đầy áp bức, bất công, tàn bạo; 2) Con người có quyền hy vọng rằng, bên ngoài thế giới hiện tượng mà nó đang sống, còn tồn tại một thế giới bí ẩn, nơi ngự trị của Thượng đế, linh hồn bất tử và tự do, ở đo con người sẽ có tự do theo nghĩa chân chính của từ này; 3) Con người cần hy vọng vào sức mạnh của lý tính và trí tưởng tượng của bản thân mình, vì không có hai yếu tố đó, đời sống của con người sẽ trở nên ngu muội, cằn cỗi và nghèo nàn. Lúc đó cái ác, thói hư tật xấu, thái độ vô đạo đức, vô trách nhiệm, chiến tranh, tệ nạn xã hội, v.v. sẽ lan tràn; bởi "trong tất cả mọi tồn tại của thế giới chỉ có con người trong diện mạo của nó với tư cách là tồn tại biết suy nghĩ mới có thể là lý tưởng của sự hoàn thiện - hoàn mỹ" [18].

Tóm lại, vấn đề chân lý, điều thiện, cái đẹp - cái cao cả là thống nhất với nhau trong hệ thống triết học phê phán của Kant. Và dường như sợ độc giả không hiểu ý mình nên bản thân Kant một lần nữa lại làm cái công việc lập bảng (table) hay sơ đồ (schema) để so sánh:

[17] Xem: I. Kant. *Sđd*, T5, tr. 272.

[18] Xem: I. Kant. *Sđd*, tr. T5, tr.237.

Những khả năng của tâm - sinh nói chung	*Khả năng nhận thức*	*các nguyên tắc tiên nghiệm*	*Sự vận dụng của chúng trong*
Khả năng nhận thức	Giác tính	Tính quy luật	Tự nhiên
Cảm giác thoả mãn hay không thoả mãn	Khả năng phán đoán	Tính hài hoà hợp lý	Nghệ thuật
Khả năng khát vọng	Lý tính	Mục đích tối cao	Tự do

Sơ đồ trên phản ánh một cách cô đọng toàn bộ cấu trúc cũng như nội dung và ý tưởng hệ thống triết học phê phán của Kant. Theo đó thì giác tính là phương tiện cơ bản biểu hiện năng lực nhận thức của con người, nó đồng thời phản ánh tính quy luật của giới tự nhiên, và chỉ liên quan đến vấn đề "bầu trời đầy sao". Còn lý tính là phương tiện cơ bản biểu hiện khả năng khát vọng của con người, nó đồng thời phản ánh mục đích tối cao của con người là vươn tới tự do và chỉ liên quan đến vấn đề "quy luật đạo đức trong lòng người". Còn khả năng phán đoán đóng vai trò tích hợp giữa giác tính và lý tính, nó phản ánh cảm giác thoả mãn hay không thoã mãn của con người trong việc chiêm ngưỡng cái đẹp (cái hài hoà - hợp lý) đồng thời phản ánh quan niệm về thị hiếu và năng khiếu thẩm mỹ của con người. Giác tính đại diện cho chân lý, có nhiệm vụ trả lời các câu hỏi trong lĩnh vực tự nhiên; Lý tính đại diện cho điều thiện, có nhiệm vụ giải thích mọi hành vi đạo đức của con người. Giác tính và lý tính tìm thấy sự thống nhất của mình trong khả năng phán đoán, đại diện cho cái đẹp (mỹ), có nhiệm vụ giải thích mọi cảm giác khác nhau trong đời sống của mỗi người. Khi giải thích ý nghĩa sơ đồ trên của Kant, D. M. Grinhisin và C. V. Kornhilop viết: "Phê phán khả năng phán đoán đã nối kết toàn bộ hệ thống triết học của Kant, với ý nghĩa như vậy người ta đánh giá nó như một hòn đá tảng tạo nên nền móng lâu đài vĩ đại của Kant. Các quy luật của cái đẹp thống nhất với chân lý và điều thiện... Trong bảng tổng kết này, các khả năng và giới hạn của năng lực con người cũng như sức mạnh tinh thần của nó được xác định. Con người vận dụng các năng lực này như thế nào, những kết quả gì nó đạt được trong đời sống của mình? Mỗi cá thể người luôn theo đuổi mục đích và thực hiện những dự định riêng của mình. Nhưng mỗi cá thể người đó là nhất thời, cuối cùng nó cũng phải mất đi, nó không có cơ hội thực thi toàn bộ công việc của mình, trong lúc đó loài người luôn sống mãi và tiếp tục phát triển, loài người có nhiệm vụ tháo dỡ những mục đích vô hạn của mỗi người, hoá giải được khởi nguồn và mở ra triển vọng của sự vận

động xã hội" [19].

Triển vọng của sự vận động xã hội đó theo Kant là một xã hội công dân toàn cầu, bởi vì chỉ trong một xã hội như vậy, con người mới có thể đạt tới mục đích tối cao của tự nhiên là phát triển mọi tư chất bẩm sinh vốn có ở con người; phương tiện để đạt đến xã hội đó chính là *một nền hoà bình vĩnh cửu*; nghĩa là nhân loại phải vĩnh viễn loại bỏ mọi cuộc chiến tranh xâm lược giữa các dân tộc. Nền hoà bình vĩnh cửu sẽ góp phần hợp nhất các dân tộc trên toàn cầu lại với nhau thành một khối thống nhất, giúp nhân loại tránh được những hiểm hoạ khôn lường như đói nghèo, bất hạnh và chia rẽ, v.v. Chính ở đây, bằng những ý tưởng nhân đạo độc đáo, nhà triết học cổ điển Đức đã phần nào dự báo được xu hướng toàn cầu hoá, xu hướng hợp tác chuyển đối đầu thành đối thoại của loài người xuất phát từ mục đích chung của nó. Ông cũng giống như Davis C. Korten sau này hình dung loài người giống như những vị khách đồng hành đang cùng nhau bay vào tương lai trên cùng một con tàu vũ trụ (trái đất) với một nguồn năng lượng dự trữ (tài nguyên) đang có nguy cơ kạn kiệt. Con tàu chẳng có xuồng cấp cứu, cũng không hề có phao cứu sinh. Con người phải tìm cách tự cứu lấy mình [20].

Xét từ góc độ lịch sử, chủ nghĩa nhân đạo của Kant không phải là mới. Bởi trước ông ở phương Đông cổ đại Khổng tử đã đề cao hệ khái niệm *ngũ thường*: Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Còn Đức Phật Thích Ca thì đề xuất *Bát chính đạo*: chính kiến, chính tư, chính ngữ, chính mệnh, chính nghiệp, chính niệm, chính tinh tiến, chính định. Điều đáng nói ở đây là, nhà triết học cổ điển Đức đã dường như có lý hơn khi cho rằng, cái thiện không thể chiến thắng được cái ác khi đứng độc lập một mình, mà cần có sự giúp sức của cái chân và cái đẹp. Ý tưởng này được đề cập đến trong *Bàn về giáo dục* - tác phẩm cuối cùng của ông: "Chúng ta đang sống trong thời đại kỷ cương, văn hoá và văn minh, nhưng thời đại đạo đức trở thành phổ quát thì hãy còn xa mới đạt đến. Về tình trạng hiện nay của loài người, có thể nói rằng, sự hưng thịnh của một số quốc gia đi liền với sự bất hạnh của đa số công chúng. Và còn một vấn đề đặt ra, bây giờ sống trong trạng thái văn hoá, liệu chúng ta có hạnh phúc hơn thời nguyên thuỷ không. Trong thực tế, cần phải làm như thế nào cho loài người trở nên hạnh phúc nếu không làm cho họ trở nên đạo đức và thông minh? Đến khi đó điều ác có vì thế mà giảm đi không?"[21].

Hai trăm năm đã trôi qua, nhưng những lời trăn trối đó của Kant vẫn còn vang vọng trong tâm thức loài người như nhắn nhủ rằng, loài người đừng bao giờ tách rời *chân - thiện - mỹ*, bởi đó là những giá trị níu kéo con người trở về với chính mình như thuở ban đầu nó được sinh ra.

---

[19] Xem: I. Kant. *Sđd*, tr. T5, tr. 119.

[20] Xem: Hồ Sĩ Quý (chủ biên), *Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trọng sự phát triển xã hội*. Nxb. KHXH. Hà Nội, 2000. tr.47.

[21] . I. Kant. *Tiểu luận và thư từ.. Sđd*,tr.455.